

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 28 tháng 11, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	BCE	27/11/2025	10.95	853.000	63.527	13.43
2	PLP	27/11/2025	6.84	966.600	154.657	6.25
3	C69	27/11/2025	14.9	2.317.300	522.090	4.44
4	LGL	27/11/2025	6.26	1.257.900	347.523	3.62
5	FIT	27/11/2025	4.75	2.436.500	701.683	3.47
6	MSB	27/11/2025	13.5	23.219.600	7.079.984	3.28
7	DPR	27/11/2025	39.75	1.992.600	619.790	3.21
8	GEE	27/11/2025	208	1.457.600	550.623	2.65
9	MST	27/11/2025	5.8	5.532.000	2.455.203	2.25
10	GAS	27/11/2025	63	1.562.200	740.843	02.11
11	HID	27/11/2025	7.72	2.375.100	1.123.473	2.11
12	DRI	27/11/2025	13.2	1.253.500	602.230	02.08
13	VPL	27/11/2025	89.5	596.900	302.730	1.97
14	DCL	27/11/2025	38.5	2.132.200	1.087.003	1.96
15	DGW	27/11/2025	44.15	3.369.500	1.729.633	1.95
16	VJC	27/11/2025	202	4.882.800	2.587.470	1.89
17	SBS	27/11/2025	5.6	1.000.900	606.283	1.65
18	AFX	27/11/2025	13.6	516.900	320.993	1.61
19	VPI	27/11/2025	56.8	3.280.000	2.089.720	1.57
20	HSL	27/11/2025	9	1.272.700	810.310	1.57
21	PAC	27/11/2025	25.1	571.100	376.060	1.52
22	C4G	27/11/2025	8.4	1.231.000	813.733	1.51
23	VIX	27/11/2025	25.15	69.072.000	46.548.712	1.48
24	SBG	27/11/2025	14.7	517.300	351.427	1.47
25	MSR	27/11/2025	24	1.997.600	1.488.077	1.34
26	NAF	27/11/2025	32.7	690400	530510	1.3
27	OGC	27/11/2025	04.02	691900	555433	1.25
28	VIB	27/11/2025	18.65	7202400	5787717	1.24



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAV	27/11/2025	7	598.210	67.99	6.7	4.46	0.14	0.08
2	CRC	27/11/2025	9.57	1.041.180	56.47	9.3	5.94	-0.26	0.35
3	CTD	27/11/2025	87.5	520.480	48.89	83.58	4.69	0.31	0.87
4	DPR	27/11/2025	39.75	663.180	63.27	38.75	2.58	0.17	-0.45
5	DRI	27/11/2025	13.2	707.510	67.41	12.38	6.6	0.14	-0.09
6	GAS	27/11/2025	63	606.270	58.07	61.7	2.11	0.07	-0.08
7	MST	27/11/2025	5.8	1.690.420	61.36	5.69	1.87	-0.03	0.08
8	PC1	27/11/2025	22	1.548.180	55.23	20.73	6.12	-0.1	0.06
9	PVS	27/11/2025	31.8	4.186.430	54.39	30.12	5.59	0.02	-0.38
10	PVT	27/11/2025	18.6	3.808.330	56.89	17.96	3.59	0.08	-0.37
11	REE	27/11/2025	66	508.370	53.04	64.32	2.62	-0.18	0.16
12	TNG	27/11/2025	19.4	1.054.530	53.16	18.82	03.06	0.05	-0.38
13	VGT	27/11/2025	12.5	903.690	51.85	12.09	3.4	0.06	-0.06
14	VHC	27/11/2025	57.8	1.431.010	50.94	56.7	1.93	0.4	-1.17
15	VIB	27/11/2025	18.65	4.796.260	47.67	17.93	04.01	-0.35	0.17
16	VPI	27/11/2025	56.8	2.246.790	58.9	54.93	3.4	-0.07	-0.56

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	C69	14.9	15.7	803.500
2	DCL	38.5	38.75	858270
3	GEE	208	208	655.580
4	HID	7.72	7.91	1.574.960
5	LGL	6.26	6.48	613200
6	PLP	6.84	07.03	301.310
7	VIC	248	253	3.010.930

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAV	7	7	598.210
2	ABC	15.4	14.6	254.340
3	DPR	39.75	39.3	663180
4	DRI	13.2	13	707.510
5	VPL	89.5	89.2	305.820

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BIC	22.35	22.15	193.480
2	BTP	9.65	9	86.830
3	DSC	15.15	15	29.790
4	DVP	68	67.9	16.090
5	KSF	74.3	73.7	26.300
6	LSS	9.48	9.1	137.760
7	PCH	19.2	19.2	95.760
8	TCO	9.8	9.3	183.470
9	VCB	57.9	57.8	2.768.730
10	VPS	9.7	09.04	19.760

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BTP	9.65	9	86.830
2	KSF	74.3	73.7	26.300
3	PCH	19.2	19.2	95.760
4	TCO	9.8	9.3	183.470



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DPR	39.75	38.75	663.180
2	MST	5.8	5.69	1.690.420

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	C4G	8.4	8.33	834.570
2	HNG	5.9	5.86	2.437.280
3	MBB	23.5	23.44	18333140
4	OCB	12.4	12.34	2.331.900
5	REE	66	65.68	508.370
7	VIB	18.65	18.54	4796260

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CRC	9.57	9.48	1.041.180
2	FIT	4.75	4.66	818.850
3	GVR	27.9	27.51	2436970
4	MSB	13.05	12.69	6.438.410
5	MSR	24	23.9	1.037.880
6	MST	5.8	5.67	1.690.420
7	REE	66	65.03	508.370



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	IDC	39.8	39.81	2.919.220
2	KSB	18.2	18.28	1.196.830
3	VGI	73.2	73.38	1051930

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ANV	29.3	29.46	2.122.850
2	VC3	27.8	28.06	998.730

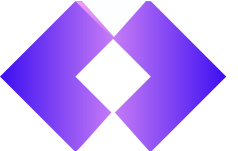
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAH	3.6	3.66	553.780
2	AAS	8.8	8.84	1.004.560
3	DGC	95	95.73	2447150
4	DIG	20.25	20.44	10.631.530
5	DLG	2.72	2.73	2.378.830
7	HHV	14	14.01	4512080
8	HTP	1.6	1.65	765670
9	IDC	39.8	39.88	2919220
10	LCG	10.2	10.27	1308280
11	SZC	31.35	31.36	624280
12	VDS	18.55	18.65	963540
13	VGC	44.8	45.26	917210
14	VHC	57.8	58.01	1431010
15	VOS	12.85	12.87	758340
16	YEG	12.1	12.12	1034260



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	27/11/2025	46.4	45.3	46.5	2.6	18.120
2	TCL	27/11/2025	34.5	33.3	35.4	6.3	14.060
3	FOC	27/11/2025	64.2	63.5	67.5	6.3	11.100
4	SJD	27/11/2025	14.1	13.86	14.76	6.5	41.680
5	QTP	27/11/2025	12.8	12.7	13.6	7.1	85.020
6	CHP	27/11/2025	31.8	31.5	33.75	7.1	33.860
7	GDT	27/11/2025	20.7	20	21.5	7.5	16.220
8	HTG	27/11/2025	46.7	44.2	47.7	7.9	20.020
9	DVP	27/11/2025	68	67.9	73.4	8.1	24.180
10	SCG	27/11/2025	66.4	62.1	67.2	8.2	26.680
11	VNS	27/11/2025	9.11	8.99	9.73	8.2	13.000
12	PVP	27/11/2025	14.35	13.56	14.68	8.3	83.700
13	DBD	27/11/2025	50.7	50.2	54.5	8.6	16.420
14	ITD	27/11/2025	13.65	12.8	13.9	8.6	15.620
15	HNM	27/11/2025	8	7.9	8.6	8.9	301.040
16	HMC	27/11/2025	11.7	11.2	12.2	8.9	17.760
17	TVD	27/11/2025	10.3	9.9	10.8	9.1	44.760
18	HPP	27/11/2025	83.4	77	84	9.1	16.800
19	PPH	27/11/2025	27.6	25.99	28.37	9.2	22.720
20	IDV	27/11/2025	26.7	25	27.3	9.2	15.340
21	SAB	27/11/2025	46.4	44	48.15	9.4	503420
22	PGC	27/11/2025	13.35	12.75	13.95	9.4	12920
23	VGP	27/11/2025	28.4	26.5	29	9.4	12260
24	CQN	27/11/2025	31.5	30.5	33.4	9.5	12980
25	NCT	27/11/2025	96.7	95.5	104.71	9.6	11840
26	DHG	27/11/2025	102.6	100.4	110	9.6	9420
27	CLX	27/11/2025	15.9	15.3	16.8	9.8	57120
28	ACC	27/11/2025	13.3	12.75	14	9.8	11480
29	PPC	27/11/2025	10.05	9.6	10.55	9.9	187700



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009